

Số: /TTr-UBND

Đakrông, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v cho ý kiến về Phương án phát triển KT-XH của huyện Đakrông  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050  
(tích hợp vào quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

UBND huyện kính trình Hội đồng Nhân dân huyện Phương án phát triển KT-XH của huyện Đakrông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (tích hợp vào quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 với các nội dung như sau:

**1. Sự cần thiết:** Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 đã được Quốc hội khoá XIV thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Luật Quy hoạch được ban hành với nhiều nội dung mang tính cải cách, đổi mới quan trọng, hướng đến việc xây dựng quy hoạch tích hợp, đa ngành phù hợp với kinh tế thị trường, chú trọng nhiều hơn đến khía cạnh không gian trong quản lý phát triển, đặc biệt là tính liên kết về không gian phát triển. Hơn nữa, bước vào thời kỳ mới, Đất nước có Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch cấp quốc gia khác và tỉnh có Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đòi hỏi huyện phải lập phương án phát triển có nội dung phù hợp với quy hoạch mới của tỉnh.

Chính vì vậy xây dựng: **“Thực trạng và phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội huyện Đakrông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”** để có những nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về định hướng phát triển, tổ chức không gian, liên kết phát triển của huyện Đakrông với các địa phương trong tỉnh cũng như các địa phương khác để tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

### 2. Phạm vi, thời kỳ xây dựng phương án:

#### 2.1. Phạm vi ranh giới

- Diện tích tự nhiên: **118.483,15 ha**
- Ranh giới huyện Đakrông tiếp giáp
  - + Phía Bắc giáp huyện Gio Linh và Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
  - + Phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và nước CHDCND Lào.

- + Phía Đông giáp huyện Triệu Phong và Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- + Phía Tây giáp huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và nước CHDCND.
- Tọa độ địa lý:
- +  $16^{\circ} 17' 55''$  đến  $16^{\circ} 49' 12''$  vĩ độ Bắc và
- +  $106^{\circ} 44' 01''$  đến  $107^{\circ} 14' 15''$  kinh độ Đông.

## 2.2 Phạm vi không gian

- Ranh giới nghiên cứu các khu vực bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp bao gồm các huyện lân cận: Cam Lộ, Triệu Phong, Hướng Hóa; tỉnh Quảng Bình, Thừa Thiên Huế; Các tỉnh Savanakheth, Salavan (nước CHDCND Lào).

2.3. Thời kỳ lập Phương án: Giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2050

## 3. Quan điểm, định hướng phát triển:

### 3.1. Quan điểm về phát triển kinh tế huyện:

Phát triển kinh tế bền vững, phát triển con người là yêu cầu xuyên suốt, dựa vào 3 trụ cột cụ thể:

(1) Tăng trưởng kinh tế bền vững (*trụ cột 1*) với điều kiện vùng gò đồi và vùng núi của tỉnh, điều kiện vị trí ít thuận lợi. Tăng trưởng nhanh, ổn định nhằm thu hẹp khoảng cách với các địa phương phát triển hơn và tạo điều kiện về tài chính và vật chất để tạo ra những tiến bộ về mặt xã hội. Tăng trưởng kinh tế được thực hiện trong điều kiện cơ cấu ngành kinh tế luôn được dịch chuyển theo xu hướng tiến bộ, xuất phát từ việc khai thác triệt để các thế mạnh của địa phương và đáp ứng được các yêu cầu về liên kết, hội nhập kinh tế cũng như khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

(2) Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tiến bộ xã hội (*trụ cột 2*), gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội. Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy, tạo sự lan tỏa phát triển con người; nâng cao năng lực, chất lượng cuộc sống cho chính bản thân con người (trí tuệ, văn hóa, xã hội); giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; tạo cơ hội mở rộng sự tham gia của con người đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với giảm nghèo nhanh và bền vững; hạn chế bất công bằng xã hội.

(3) Tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (*trụ cột 3*). Quá trình tăng trưởng kinh tế phải quán triệt và bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tăng năng suất, hiệu quả sử dụng tài nguyên, kéo dài chuỗi giá trị của sản phẩm hàng hóa; hướng đến tăng trưởng thân thiện với môi trường, ít gây tổn hại, ô nhiễm môi trường. Tăng trưởng kinh tế gắn với điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu, các ngành sản phẩm, các công nghệ sản xuất làm giảm nhẹ biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính. Mặt khác, quá trình phát triển phải được điều chỉnh theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm giảm thiểu khả năng bị tổn thương và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

## **3.2. Định hướng phát triển kinh tế huyện**

### *3.2.1. Định hướng phát triển chung*

- Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế so sánh của huyện về vị trí địa kinh tế - chính trị, tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa để biến lợi thế so sánh của huyện thế cạnh tranh, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển kinh tế Đakrông theo hướng liên kết mở, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, trên cơ sở liên kết phát huy hiệu quả tổng hợp vùng Bắc Trung Bộ, khu vực Tam giác phát triển Thái Lan- Lào - Việt Nam và cả nước.

- Phát triển theo hướng tập trung ưu tiên các ngành có lợi thế, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, theo chiều sâu vào các khâu, các lĩnh vực, các vùng có thể tạo hiệu quả và sức lan tỏa, phù hợp với nguồn lực từ ngân sách. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư vào hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhân lực, y tế và chăm sóc sức khỏe.

- Phát triển theo hướng bền vững gắn phát triển kinh tế đi đôi với nâng dần chất lượng các mặt xã hội, đảm bảo môi trường sinh thái. Chú trọng hỗ trợ phát triển sinh kế và hạ tầng xã hội cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giảm nghèo bền vững nhằm thu hẹp khoảng cách thụ hưởng đời sống văn hóa xã hội giữa các khu vực trong huyện. Gắn mục tiêu kinh tế với các mục tiêu bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và giảm nhẹ thiên tai.

### *3.2.2. Định hướng phát triển kinh tế vùng trọng điểm và ngành, lĩnh vực chủ lực đến 2030*

#### *a. Định hướng các vùng kinh tế trọng điểm, hành lang, khu kinh tế*

- Tập trung đầu tư xây dựng và phát triển trục kinh tế kết nối Khu kinh tế Đông - Nam với Hành lang Kinh tế Đông - Tây, Khu kinh tế cửa khẩu La Lay và Cửa khẩu phụ Cốc (định hướng nâng cấp thành cửa khẩu chính). Phát triển hành lang kinh tế Đông – Tây trên tuyến Quốc lộ 9. Hoàn thiện các công trình giao thông quan trọng kết nối các trọng điểm kinh tế của huyện đã được đầu tư hoặc bổ sung vào quy hoạch để triển khai thực hiện trong thời gian tới. Quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay với cảng Mỹ Thủy đã được bổ sung vào quy hoạch phát triển GTVT đường bộ; trong đó, đoạn từ cảng Mỹ Thủy đến Quốc lộ 1 đã được đầu tư và đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn đã được Bộ GTVT bổ sung vào dự án đầu tư đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn. ...

#### *b. Các ngành, lĩnh vực chủ lực*

Xác định phát triển công nghiệp, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Gắn kết chặt chẽ giữa nông nghiệp với công nghiệp, thương mại, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong thời đại 4.0, là nhân tố quyết định thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện

đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tạo sự ổn định xã hội, nâng cao đời sống cho Nhân dân.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị: Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động phát triển cây đậu, cây ăn quả đặc sản, cây dược liệu.

- Phát triển vùng chăn nuôi tập trung theo hướng hiện đại;

- Phát triển các sản phẩm OCOP gắn với chuỗi tiêu thụ sản phẩm.

- Khôi phục rừng đầu nguồn; Chống sạt lở, lũ quét, lũ ống;

- Phát huy văn hoá, bản sắc các dân tộc miền núi; Phát triển du lịch sinh thái miền núi trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế của địa phương, công nghiệp năng lượng (nhất là năng lượng sạch, tái tạo): Thủy điện, điện gió. Rà soát và lại các khu vực phát triển thủy điện;

- Phát triển nhanh hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy chuyển đổi số, nhằm xây dựng và phát triển kinh tế số.

*c. Phát triển thương mại dịch vụ:*

- Phát triển khu vực Tà Rụt gắn với Khu kinh tế cửa khẩu La Lay;

- Cửa khẩu phụ Cóc: ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các chợ biên giới, đáp ứng nhu cầu thông thương, đi lại của người dân hai nước, đồng thời hướng tới nâng cấp cửa khẩu phụ Cóc trở thành cửa khẩu chính trong giai đoạn 2021 – 2025.

*3.2.3. Định hướng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng*

*a. Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới*

- Phát triển nông, lâm nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ; ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm có chất lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích phát triển các hình thức liên kết hợp tác, xúc tiến đầu tư, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương theo chương trình OCOP: đậu xanh, dưa hấu, ngô, sắn, dược liệu, vật nuôi đặc sản (hươu, nhím, lợn rừng..), phát triển kinh tế rừng bền vững.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại tập trung gắn với an toàn sinh học, phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả và bảo vệ môi trường, chú trọng phát triển chăn nuôi sạch, chăn nuôi hữu cơ.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn xung yếu, rừng phòng hộ biên giới, bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng.

- Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, sử dụng nguồn nước có hiệu quả. Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho sản xuất và đời sống của Nhân dân. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; đảm bảo an toàn hồ chứa.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu. Tập trung chỉ đạo xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã khó khăn, biên giới, nhằm giảm khoảng cách chênh lệch giữa các xã miền núi và đồng bằng.

*b. Về phát triển công nghiệp - xây dựng:*

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên cơ sở khai thác, phát huy các ngành có lợi thế như: công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, ... Đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư công nghiệp lớn, công nghệ tiên tiến để tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp của huyện phát triển. Triển khai xây dựng các dự án năng lượng tái tạo đã được quy hoạch.

- Quy hoạch và phát triển các cơ sở công nghiệp dọc Quốc lộ 15D, Quốc lộ 49 nối cửa khẩu quốc tế La Lay với cảng biển Mỹ Thủy. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải tại các khu kinh tế, cụm công nghiệp.

- Khuyến khích các dự án công nghiệp mới, công nghệ và thiết bị hiện đại. Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, nhất là trong các lĩnh vực chế biến nông, lâm; ....

- Giai đoạn 2021-2025 hoàn thành các dự án đưa vào hoạt động: Thủy điện Đakrông 1 công suất 12MW, Thủy điện Khe Nghi công suất 8MW, Thủy điện Khe Giông công suất 4,5MW, Thủy điện Đakrông 4 với công suất 28MW, Thủy điện La Tó công suất 15,6MW, điện gió xã Hướng Hiệp.

*c. Về phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch:*

- Định hướng phát triển một số sản phẩm chủ lực của địa phương, phấn đấu xây dựng được một số sản phẩm mang thương hiệu địa phương, các sản phẩm nông lâm sản, đặc biệt là các sản phẩm OCOP của huyện.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương; liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường để tiêu thụ. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Phát triển hệ thống chợ đầu mối, chợ nông thôn, chợ chuyên doanh, các trung tâm phân phối hàng hóa, trung tâm thương mại; tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của chợ lưu động.

- Hỗ trợ kết nối trực tiếp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn với hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại lớn.

- Đầu tư phát triển dịch vụ thương mại gắn với khu kinh tế cửa khẩu La Lay

*d. Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn*

- Phấn đấu đến năm 2030, du lịch là ngành kinh tế quan trọng của huyện Đakrông với các đóng góp đáng kể cho GRDP huyện, đồng thời thúc đẩy sự phát triển xã hội và các ngành kinh tế khác điển hình như nông nghiệp. Giá trị trực tiếp của ngành du lịch đến năm 2030 đạt khoảng 20% của ngành thương mại - dịch vụ.

- Phát triển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu du lịch, điểm du lịch, các khu du lịch nghỉ dưỡng làm nền tảng cho du lịch, đặc biệt là kết nối với các khu, điểm du lịch khác cũng như kết nối với hệ thống giao thông cấp tỉnh, quốc gia. Cơ sở hạ tầng giao thông quan trọng của huyện là đường quốc lộ 14 - đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 9 - đường xuyên á AH16 gắn với cửa khẩu Lao Bảo qua huyện Hướng Hóa và quốc lộ 15D gắn với cửa khẩu La Lay.

- Ba sản phẩm du lịch chủ đạo của huyện: Du lịch lịch sử - chiến tranh cách mạng, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng;

- Phát triển quỹ đất thu hút đầu tư, phát triển tour, tuyến và dịch vụ du lịch: Cần chú trọng các hoạt động khảo sát, đánh giá, lựa chọn các quỹ đất phù hợp cho du lịch tại các vị trí tiềm năng, đồng thời khai thác kết hợp với các tuyến, điểm du lịch khác, với cửa khẩu La Lay, ... Khai thác được các lợi thế từ dịch vụ du lịch như mua sắm, trải nghiệm gắn với cửa khẩu La Lay.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trong tình hình mới, đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực cộng đồng, gắn với mục tiêu phát triển xã hội, nâng cao nhận thức nhân dân.

#### *3.3.4. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, khắc phục dần các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tăng cường kết nối với các địa phương trong và ngoài nước, nhất là các tỉnh trong khu vực Bắc Trung bộ, các địa phương trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây...

- Về giao thông: Thực hiện dự án Quốc lộ 15D; đốc thúc đẩy nhanh quá trình đầu tư để đưa vào khai thác cảng biển Mỹ Thủy. Xây dựng tuyến cao tốc Đông Hà - Lao Bảo, nâng cấp đường tỉnh lộ 558A lên Quốc lộ 9H. Đầu tư hoàn thiện, đưa vào sử dụng một số công trình đầu tư dở dang, kéo dài nhiều năm.

- + Phát triển các phương thức vận tải mới về giao thông đường bộ, bằng chuyên vận chuyển hàng hóa... nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo về môi trường huyện trong thời gian tới.

- + Xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển than đá từ Lào về Việt Nam cắt qua đường biên giới Việt Nam – Lào theo Nghị Quyết số 04/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ.

- Về hạ tầng các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp: Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện. Xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu tại khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay đủ điều kiện thành lập Khu kinh tế cửa khẩu La Lay..

- Về hạ tầng đô thị: Từng bước phát triển hạ tầng đô thị hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển thị trường bất động sản phù hợp với điều kiện phát triển của huyện. Xây dựng đô thị Tà Rụt phía Nam huyện.

- Triển khai các dự án xử lý rác thải từ nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và các cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dịch vụ du lịch và dân cư nông thôn. Nghiên cứu xúc tiến, thu hút đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải, nhà hỏa táng trên địa bàn huyện.

- Về hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn: Nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu; các công trình kè phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình cấp nước sạch nông thôn. Từng bước hoàn thành các tiêu chí về kết cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới.

- Về hạ tầng thương mại: Phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác chợ; đầu tư xây dựng một số chợ đầu mối, chợ nông sản.

- Về văn hóa, thể thao, du lịch: Xây dựng Nhà thi đấu đa năng huyện, Cung thiếu nhi, Trung tâm văn hóa lao động huyện, trung tâm sinh hoạt cộng đồng xã, nhà văn hóa thôn; nâng cấp di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số;

- Về y tế, giáo dục: đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến huyện, xã. Phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú huyện Đakrông.

### **3.3. Mục tiêu phát triển thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

#### *3.3.1. Mục tiêu dài hạn (tầm nhìn)*

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để xây dựng Đakrông trở thành huyện có kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng công nghiệp, dịch vụ gắn với phát triển nông thôn mới, bảo vệ, cải thiện môi trường và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, con người theo hướng bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân Xây dựng an ninh, quốc phòng vững mạnh, đảm bảo công bằng xã hội và môi trường thuận lợi cho đầu tư và phát triển kinh tế.

#### *3.3.2. Mục tiêu cụ thể*

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 14-15% và giai đoạn 2026 - 2030 là 13-14%. Trong đó:

- + Nông nghiệp: Giai đoạn 2021- 2025 khoảng 12-13%; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 11-12%;

- + Công nghiệp - Xây dựng: Giai đoạn 2021-2025 khoảng 14-15%; giai đoạn 2026-2030 khoảng 12-13%;

+ Thương mại - Dịch vụ: Giai đoạn 2021-2025 khoảng 17-18%; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 18-19%;

- Cơ cấu kinh tế đến 2025: Nông nghiệp 37-38%, Công nghiệp - Xây dựng 47-48%, Thương mại - Dịch vụ 15-16%. Đến năm 2030: Nông nghiệp chiếm khoảng 34-35%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm 45-46%, Thương mại - Dịch vụ chiếm 19-20%;

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đạt 200-210 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 12% và giai đoạn 2026-2030 đạt 360-370 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 12%;

- Sản lượng lương thực có hạt gần 10.500 tấn đến năm 2025 và 11.000 tấn đến năm 2030;

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 tăng 2 lần so với năm 2020 (tương đương 41 triệu đồng) và đến năm 2030 tăng 2 lần so với năm 2025 (tương đương trên 82 triệu đồng);

- Xây dựng sản phẩm theo chương trình OCOP mỗi xã 01-02 sản phẩm;

- Xây dựng nông thôn mới: Phần đầu xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 03 - 04 xã (trong đó có 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu) và đến năm 2030 là 06 - 07 xã. Phần đầu số thôn đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 30 thôn và đến năm 2030 là 50 thôn.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 từ 4 - 5% và giai đoạn 2026 - 2030 giảm từ 3 - 4%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2025 là trên 60%, đến 2030 là 65%; trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2025 là trên 32% và đến năm 2030 là 35%;

- Tạo việc làm mới cho lao động: Bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 là 650 lao động và giai đoạn 2026 - 2030 duy trì hàng năm 700 lao động;

- Phần đầu đến năm 2025, có 60% trường mầm non, 60% trường tiểu học và 45% trường trung học cơ sở (tính cả trường phổ thông có nhiều cấp học) đạt chuẩn quốc gia, 01 trường phổ thông Trung học đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2030, có 80% trường mầm non, 75% trường tiểu học và 50% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; 02 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Đến cuối năm 2025 có 120 giường bệnh/1 vạn dân, đến năm 2030 đạt 150 giường bệnh/1 vạn dân. Đến năm 2025 có 9,96 bác sĩ/1 vạn dân, đến năm 2030 có 10 bác sĩ/1 vạn dân (*Dự kiến có từ 52-55 Bác sĩ*).

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) hàng năm là 0,5%;

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2025 đạt 1,7% và đến năm 2030 đạt 1,5%;

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 là 100%, duy trì đến năm 2030 là 100%.



- Diện tích trồng mới rừng tập trung và cây phân tán bình quân hàng năm là 1.000 ha và 30 vạn cây; Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 là 66% và giữ ổn định đến năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh ở thị trấn đến 2025 là 100%, duy trì đến năm 2030 là 100%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2025 là 90% và đến năm 2030 là 95%.

### 3.3.3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân từ 10-12%/năm
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2050 tăng gấp 4-5 lần so với năm 2030
- Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã và cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới;
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân hàng năm giảm từ 2 - 3%;
- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh ở nông đạt trên 98%.
- Tỷ lệ che phủ rừng trung bình khoảng 65%.
- Phát triển nông nghiệp sạch gắn với ứng dụng khoa học công nghệ cao, đặc sản trở thành hoàng hóa. Là vùng bảo vệ sinh thái thượng nguồn quan trọng của vùng đồng bằng của tỉnh.
- Xây dựng 01 đến 2 nhà máy xử lý rác thải đạt chuẩn (đọc QL9 và QL14).
- Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.
- Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số;
- Các xã có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu (đường giao thông, nước sạch sinh hoạt, điện...) đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;
- Giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được bảo tồn, phát huy và gắn với phát triển du lịch;

## **4. Phương hướng phát triển KTXH của huyện: Bao gồm**

- 4.1. Phương án phát triển kinh tế
- 4.2. Phương án phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản
- 4.3. Phương án phát triển ngành công nghiệp, VLXD, khoáng sản và xây dựng
- 4.4. Phương án phát triển các ngành Thương mại, dịch vụ và du lịch
- 4.5. Phương án bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch
- 4.6. Phương án tổ chức không gian, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất
- 4.7. Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật
- 4.8. Phương án phát triển một số lĩnh vực văn hóa - xã hội

4.9. Phương án đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự xã hội

4.10. Phương án phát triển hạ tầng khác (trụ sở cơ quan)

4.11. Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

4.2. Danh mục các dự án ưu tiên trên địa bàn huyện có tầm quan trọng ở cấp tỉnh

4.3. Các giải pháp thực hiện

(Kèm theo thuyết minh đề xuất Phương án phát triển KT-XH của huyện Đakrông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (tích hợp vào quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)

*Tờ trình này đã bổ sung các ý kiến góp ý sau cuộc họp ngày 23/2/2024 và thay thế Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 22/2/2024 của UBND huyện.*

Trên đây là công tác xây dựng Phương án phát triển KT-XH của huyện Đakrông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (tích hợp vào quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050), UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, các PCVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Thái Ngọc Châu**